

Phụ lục VII

MẪU CÔNG BỐ GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG, GIÁ NHÂN CÔNG XÂY DỰNG, GIÁ CA MÁY VÀ THIẾT BỊ THI CÔNG

(Kèm theo Thông tư số 36 /2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

Mẫu số 01

CÔNG BỐ GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÁNG/QUÝ.... NĂM... TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH/THÀNH PHỐ

Stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị tính*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)*		
											Khu vực ...	Khu vực ...	Khu vực ...
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]

Ghi chú:

- Tải tệp dữ liệu điện tử mẫu (định dạng Microsoft Excel) từ địa chỉ: <https://dmdgxd.cemia.gov.vn>, mục “Hồ sơ tài liệu” để nhập dữ liệu công bố giá và chuyển đổi vào Hệ thống thông tin, dữ liệu về định mức xây dựng, giá xây dựng và chỉ số giá xây dựng;

- Những mục có dấu (*) là bắt buộc;

- [2] Nhóm vật liệu: danh sách nhóm đã quy định tại tệp dữ liệu điện tử mẫu;

- [5] Tiêu chuẩn kỹ thuật: ghi tiêu chuẩn sản xuất (tiêu chuẩn Việt Nam hoặc tiêu chuẩn cơ sở hoặc tiêu chuẩn nước ngoài được áp dụng tại Việt Nam (nếu có)), nếu không có thông tin thì ghi “không có thông tin”;

- [6] Quy cách: tính năng kỹ thuật, kích cỡ, màu sắc, chủng loại, kiểu cỡ...;

- [7] Nhà sản xuất: tên đơn vị sản xuất;

- [8] Xuất xứ: ghi tên nước sản xuất (nếu có);

- [9] Điều kiện thương mại: khối lượng cung cấp, điều kiện giao hàng...;

- [10] Vận chuyển: ghi thông tin về vận chuyển như: giao trên phương tiện bên mua; bán kính...km... (nếu không có thì ghi “không có thông tin”);

-[12] [13] [14] Khu vực:

- + “Khu vực...” là tên một hoặc một nhóm đơn vị hành chính;
- + Việc phân chia khu vực để công bố giá vật liệu xây dựng theo đặc điểm của địa phương;
- + Vật liệu có giá bán tại nơi sản xuất/cung cấp thì cột “khu vực” ghi tên đơn vị hành chính của nơi bán, đồng thời tại mục ghi chú ghi “Giá tại nơi bán”.

Mẫu số 02**CÔNG BỐ GIÁ NHÂN CÔNG XÂY DỰNG NĂM... TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH/THÀNH PHỐ**

Stt	Nhóm nhân công *	Tên nhân công* (Loại công tác)	Đơn vị tính *	Giá nhân công xây dựng (đồng) *		
				Khu vực...	Khu vực...	Khu vực...
				Vùng...	Vùng...	Vùng...
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]

Ghi chú:

- Tải tệp dữ liệu điện tử mẫu (định dạng Microsoft Excel) từ địa chỉ: <https://dmdgxd.cemia.gov.vn>, mục “Hồ sơ tài liệu” để thuận tiện nhập dữ liệu công bố giá nhân công xây dựng và chuyển đổi vào Hệ thống thông tin, dữ liệu về định mức xây dựng, giá xây dựng và chỉ số giá xây dựng;

- Những mục có dấu (*) là bắt buộc;

- [5] [6] [7] Khu vực, vùng:

+ “Khu vực...” là tên một hoặc một nhóm đơn vị hành chính theo vùng;

+ Việc phân chia vùng/ khu vực để công bố giá nhân công theo khu vực khảo sát, thu thập số liệu để xác định và công bố giá nhân công xây dựng do địa phương lựa chọn, phù hợp với quy định phân vùng của Chính phủ.

Mẫu số 03: Công bố giá ca máy và thiết bị thi công năm.... trên địa bàn tỉnh/thành phố.....

STT	Mã hiệu	Loại máy và thiết bị	Số ca năm	Định mức (%)			Định mức tiêu hao nhiên liệu, năng lượng (1 ca)	Nhân công điều khiển máy	Nguyên giá tham khảo (1000 VNĐ)	Chi phí nhiên liệu (đồng/ca)	Chi phí nhân công điều khiển máy vùng/khu vực... (đồng/ca)	Giá ca máy vùng/khu vực... (đồng/ca)
				Khấu hao	Sửa chữa	Chi phí khác						
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[...]	[...]
A		MÁY VÀ THIẾT BỊ THI CÔNG XÂY DỰNG										
I		MÁY THI CÔNG ĐẤT VÀ LU LÈN										
1.1		Máy đào một gầu, bánh xích 0,4m ³										
...		...	...	...								
II		MÁY NÂNG CHUYÊN										
2.1		Cần trục ô tô sức nâng 3t										
...		...	...	...								
III		MÁY VÀ THIẾT BỊ GIA CÔNG NỀN MÓNG										
3.1		Máy đóng cọc tự hành bánh xích trọng lượng đầu búa 1,2t										
...		...										
IV		MÁY SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG										

[illegible]

STT	Mã hiệu	Loại máy và thiết bị	Số ca năm	Định mức (%)			Định mức tiêu hao nhiên liệu, năng lượng (1 ca)	Nhân công điều khiển máy	Nguyên giá tham khảo (1000 VNĐ)	Chi phí nhiên liệu (đồng/ca)	Chi phí nhân công điều khiển máy vùng/khu vực... (đồng/ca)	Giá ca máy vùng/khu vực... (đồng/ca)
				Khấu hao	Sửa chữa	Chi phí khác						
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[...]	[...]
...		...	...	...								
VIII		MÁY VÀ THIẾT BỊ ĐỘNG LỰC										
8.1		Máy phát điện lưu động công suất 37,5 kVA										
...		...	...	...								
IX		MÁY VÀ THIẾT BỊ THI CÔNG CÔNG TRÌNH THỦY										
9.1		Sà lan tải trọng 200t										
...		...	...	...								
X		MÁY VÀ THIẾT BỊ THI CÔNG TRONG HÀM										
10.1		Máy xúc chuyên dùng trong hầm dung tích gầu 0,9m ³										
...		...	...	...								
XI		MÁY VÀ THIẾT BỊ THI CÔNG ĐƯỜNG ỐNG, ĐƯỜNG CÁP NGẦM										

[illegible]

STT	Mã hiệu	Loại máy và thiết bị	Số ca năm	Định mức (%)			Định mức tiêu hao nhiên liệu, năng lượng (1 ca)	Nhân công điều khiển máy	Nguyên giá tham khảo (1000 VNĐ)	Chi phí nhiên liệu (đồng/ca)	Chi phí nhân công điều khiển máy vùng/khu vực... (đồng/ca)	Giá ca máy vùng/khu vực... (đồng/ca)
				Khấu hao	Sửa chữa	Chi phí khác						
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[...]	[...]
...		...	...	...								
III		MÁY VÀ THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM ĐIỆN, ĐƯỜNG DÂY VÀ TRẠM BIẾN ÁP										
3.1		Bộ tạo nguồn 3 pha										
...		...			...	...						

Ghi chú: Chi phí nhân công điều khiển máy và thiết bị theo vùng/khu vực công bố theo đặc điểm của địa phương.